

MỘT ĐỜI THƠ ĐẦY TRẦN TRỞ CỦA CHẾ LAN VIÊN QUA TIỂU TỪ TÌNH THÁI CHĂNG

Trần Anh Thu

Báo điện tử VTC News

Ngày nhận bài 12/4/2016, ngày nhận đăng 21/5/2016

Tóm tắt: Bài viết đi sâu khảo sát, phân tích tiểu từ tình thái “chăng” trong 9 tập thơ Chế Lan Viên, qua đó góp phần làm rõ quá trình phát triển liên tục, biện chứng và hoàn toàn hợp lý của những giá trị vô giá trong cả một đời thơ của nhà thơ tài hoa này. Trong phát ngôn, tiểu từ tình thái “chăng” mang sắc thái hoài nghi. Qua cách sử dụng tiểu từ này với tần suất và sắc độ ngày càng giảm, Chế Lan Viên đã thành công trong việc đưa hành trình con tàu thơ ông đi từ sân ga vô hình của cõi âm rợn ngợp hoài nghi nhanh chóng về đích sân ga cuộc đời chan hoà ánh sáng.

1. Tình thái hiện là vấn đề quan trọng trong ngôn ngữ, từ rất sớm đã được nhiều nhà ngôn ngữ học quan tâm. Có thể nói, tình thái là một trong những loại hình nghĩa cơ bản của ngôn ngữ với tư cách là một công cụ giao tiếp. Đằng sau ngôn từ là các cung bậc tình cảm, thái độ khác nhau của người nói đối với nội dung phát ngôn và đối tượng giao tiếp.

Thơ ca là một loại hình nghệ thuật độc đáo, có đặc thù riêng. Thơ, trước hết và cuối cùng là cuộc hành trình trọn vẹn của ngôn từ, là cuộc đời của ngôn từ. Nội dung của thơ mang nghĩa nội hàm, nhiều tầng, nhiều lớp, nhiều sắc thái rất khác nhau, sinh động biến hóa khôn lường... Tình thái chính là phép nhân ý nghĩa, là bầu trời rộng lớn để cánh chim ý tưởng, tình cảm của các tác giả thoả sức bay lượn. Vì vậy, việc nghiên cứu tình thái trong thể loại này có ý nghĩa đặc biệt không chỉ ở mặt lý luận ngôn ngữ mà còn có giá trị không nhỏ đối với việc nghiên cứu thi pháp thơ, phê bình văn học, bình giảng thơ văn trong nhà trường.

Chế Lan Viên là một tác gia có vị trí rất quan trọng trong nền văn chương Việt Nam hiện đại. Hơn nửa thế kỷ sáng tạo nghệ thuật, Chế Lan Viên đã đạt được nhiều thành tựu rực rỡ. Bằng việc khảo

sát, phân tích tiểu từ tình thái *chăng* trong thơ Chế Lan Viên, chúng tôi hi vọng mang đến một cái nhìn sâu hơn về vấn đề tình thái trong ngôn ngữ nói chung, trong tiếng Việt nói riêng, đặc biệt mong muốn góp tiếng nói thời sự cho việc nghiên cứu, giảng dạy thơ Chế Lan Viên trong nhà trường.

2. Khái niệm tình thái và tiểu từ tình thái

2.1. Tình thái

Tình thái (*modality*) được coi là một trong những khái niệm phức tạp nhất của ngôn ngữ học, với những tranh luận kéo dài.

Tuy nhiên, dù có nhiều cách quan niệm và định nghĩa khác nhau nhưng các tác giả đều xem tình thái là phạm trù ngữ nghĩa - chức năng rộng lớn, đa dạng và phức tạp mà đặc trưng chung nhất của chúng là phản ánh mối quan hệ khác nhau giữa người nói với người nghe cũng như những quan điểm, thái độ đánh giá và định tính khác nhau của người nói đối với nội dung miêu tả trong câu, xét trong mối quan hệ với hoàn cảnh giao tiếp.

Về định nghĩa, trước hết phải kể đến Ch. Bally (1932). Qua sự phân biệt hai bộ

phận dictum (nội dung thông tin) và modus (bộ phận tình thái), ông định nghĩa: “Tình thái là thái độ của người nói được biểu thị đối với sự việc hay trạng thái diễn đạt trong phát ngôn” [1].

Ở Việt Nam, tác giả Hoàng Phê nhận định, trong nội dung ngữ nghĩa của lời, bên cạnh những yếu tố có tính chất thuần túy logic, thường có những yếu tố có tình thái, phản ánh nhận thức, sự đánh giá, thái độ... của con người đứng trước hiện thực. Chính yếu tố tình thái này tạo nên tính cụ thể, tính sinh động của lời [2; 137].

Tác giả Hoàng Phê phân tách hai mặt nghĩa nội dung của một phát ngôn (lời): Yếu tố có tính chất thuần túy logic chính là nghĩa miêu tả. Yếu tố phản ánh nhận thức, sự đánh giá, thái độ của con người trước hiện thực chính là nghĩa tình thái.

Như vậy có thể nói, “tình thái là một bộ phận trong cấu trúc nội dung ngữ nghĩa của phát ngôn (bên cạnh nghĩa miêu tả) biểu thị cảm xúc, thái độ, sự đánh giá của người nói đối với hiện thực được thông báo và quan hệ của người nói đối với hiện thực” [4; 285].

2.2. Tiểu từ tình thái

Theo Từ điển giải thích thuật ngữ Ngôn ngữ học, tiểu từ tình thái (TTTT) là một “biệt loại của các hư từ, được hợp nhất lại như một từ loại theo chức năng ngữ nghĩa - cú pháp chung, tạo cho câu hoặc từ có sắc thái ý nghĩa hoặc cảm xúc phụ, biểu thị quan hệ của người nói để tách biệt hoặc minh xác cho một thời điểm nào đó trong phát ngôn đó” [6; 292].

Chẳng hạn: (1) *Trời mưa*; (2) *Trời mưa à!*; (3) *Trời mưa chẳng?*

Trong 3 phát ngôn trên, phát ngôn (1) là thông báo, phát ngôn (2) là cảm thán, phát ngôn (3) là nghi vấn. Người nghe phân biệt được ý nghĩa thông báo, cảm thán, hỏi nhờ vào các tiểu từ *à*, *chẳng* trong phát ngôn.

Như vậy, TTTT được hiểu là một loại từ loại đặc biệt thuộc hư từ, sử dụng để biểu đạt ý nghĩa tình thái trong mối quan hệ với mục đích phát ngôn biểu thị cảm xúc người nói. Chúng không mang nghĩa từ vựng và miêu tả. Ý nghĩa của chúng là góp phần biểu đạt đích ngôn trung của phát ngôn và biểu thị thái độ, cách đánh giá khác nhau của người nói đối với thông báo, với hiện thực và với người đối thoại.

Để nhận diện được TTTT trong giao tiếp, chúng tôi căn cứ vào các tiêu chí sau đây: 1) Phải có một lời miêu tả ở nội dung mệnh đề phát ngôn; 2) Vai nói có một thái độ nào đó hướng đến vai nghe; 3) Phát ngôn phải được đặt trong một ngữ cảnh giao tiếp cụ thể; 4) TTTT phải hướng phát ngôn đến các hành động như hỏi, cầu khiến, từ chối, bác bỏ, nghi ngờ...

3. Về tiểu từ tình thái *chẳng*

Nguyễn Kim Thành [5; 416] cho rằng *chẳng* có lẽ là biến âm của *chẳng*, dùng trong những câu hoài nghi.

Qua một số khảo sát, *chẳng* thường xuất hiện trong 2 trường hợp:

Trường hợp 1: *Chẳng* được dùng để hỏi - đoán

Ví dụ:

- *Hay là, con đã nghe thấy bên bà cụ huyện họ nói ra nói vào thế nào chẳng?*

- *Cô Tuyết nguấy vai một cái: Không phải! Không phải đâu!* [1; 270].

Trong phát ngôn có tiểu từ *chẳng*, sắc thái hoài nghi khả năng hiện thực hoá điều phỏng đoán khiến hành vi hỏi tuy mang tính định hướng chủ quan của người hỏi nhưng không có tính dồn ép, áp đặt.

Hành vi hỏi đoán có... *chẳng* ở cuối câu có thể hướng vào người đối thoại, cũng có thể hướng vào chính người nói - trường hợp tự vấn mình.

Trường hợp 2: Chăng được dùng để hỏi - ước

Ví dụ: *Một bữa kia, người cha gọi con đến bảo rằng:*

- *Con ơi! Con đã lớn rồi. Học con đã thành danh, không kém cạnh gì ở đời. Nay cha chỉ còn mong muốn lo vợ cho con. Con có bằng lòng chăng?*

Cậu con trai thích tề người lại còn làm bộ lưỡng lự:

- *Cái đó tùy ở cha [II; 65].*

Trong trường hợp này, hỏi không phải là hành vi ngôn ngữ chính, nhưng dưới hình thức hỏi, hành vi yêu cầu - hành vi ngôn ngữ chính của phát ngôn trở nên tế nhị, nhẹ nhàng. Thông qua hành vi hỏi, chủ thể muốn thăm dò một cách kín đáo, ý nhị thái độ, quan điểm của đối phương. Vì vậy trường hợp này gọi là ước hỏi.

Hỏi ước là một loại hỏi mờ, không mang tính dồn ép, áp đặt, thể hiện sự tôn trọng quyền chọn lựa của người nghe. Chính nhờ sắc thái tế nhị, lịch sự đó mà *chăng* thường được dùng trong thơ ca, nhất là ca dao - với các trường hợp tỏ tình.

Ví dụ: *Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng:*

Tre non đủ lá, đan sàng nên chăng?
(ca dao)

Câu tạo phát ngôn có tiểu từ *chăng* thường là: $P = \text{chăng?}$

hoặc $\text{Hay là} + P + \text{chăng?}$

Tác giả Hoàng Trọng Phiến so sánh cách hỏi của *chăng* và *không*: "*Chăng* vừa có ý khẳng định, vừa đảm bảo cho người trả lời sự dẫn đo, cân nhắc. Còn *không* chỉ có thể là có hoặc không rất dứt khoát" [3; 283].

Chăng khi dùng để hỏi ước không thay được bằng: *à ư, há, phỏng...*

Chăng là ngữ khí tạo ra câu nghi vấn gần giống như *à*, chứ nhưng *chăng* thường được dùng trong trường hợp người phát ngôn còn một ít hoài nghi nào đó về khả năng hiện thực hoá nội dung câu hỏi.

Còn so với tiểu từ *ư*, nếu ở *ư*, ngoài sắc thái băn khoăn còn thể hiện sắc thái ngạc nhiên thì ở *chăng* lại biểu thị sắc thái hoài nghi, thiếu tự tin.

Ở nhóm *chăng* và *chắc*, cả 2 cùng biểu thị thái độ của người hỏi, nhưng sắc thái hoài nghi ở *chăng* có phần cao hơn *chắc*.

4. Nhận diện tiểu từ tình thái *chăng* trong thơ Chế Lan Viên

Khảo sát 9 tập thơ trong *Chế Lan Viên toàn tập I, II*, bao gồm: *Điều tàn* (1937); *Gửi các anh* (1950-1954); *Ánh sáng và phù sa* (1955-1960); *Hoa ngày thường, chim báo bão* (1961-1967); *Những bài thơ đánh giặc* (1970-1972); *Đổi thoại mới* (1967-1973); *Hoa trước lã Người* (1954-1976); *Hoa trên đá* (1977-1984); *Ta gửi cho mình* (1980-1985), chúng tôi thấy:

- TTTT *chăng* xuất hiện trong 8/9 tập thơ.

- Riêng tập thơ *Gửi các anh* TTTT *chăng* không xuất hiện lần nào.

- TTTT *chăng* xuất hiện trong 30 bài thơ.

- TTTT *chăng* có mặt trong 33 câu thơ.

Tổng quan nhận diện TTTT *chăng* trong thơ Chế Lan Viên được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Tổng quan nhận diện TTTT *chăng* trong thơ Chế Lan Viên

TT	Câu thơ	Tên bài thơ	Tập thơ
1	Có tìm <i>chăng</i> , những chiều không tiếng gió Của người mi thì thể rữa tan rồi	Cái sọ người	Điều tàn (1937)
2	Trên trời cao dòng Ngân kia lặng chảy Thấy cùng <i>chăng</i> tha thiết bóng xiêm qua?	Mộng	

TT	Câu thơ	Tên bài thơ	Tập thơ
3	Cả dĩ vãng là chuỗi mò vô tận Cả tương lai là chuỗi huyết chưa thành Và hiện tại, biết cùng <i>chăng</i> hỏi bạn Cũng đương chôn lãng lẽ chuỗi ngày xanh	Những năm mò	
4	Phải hay <i>chăng</i> đêm qua khi thuyền mộng Của nâng trăng vào đèn bến mây xa Một cô hồn về đây, theo gió lộng Trên mộ tàn, tùm đầu ngày qua?	Xương khô	
5	Mà trong chiếc hòm con kia u tối Có phải <i>chăng</i> thi thể của người ta?	Đám ma	
6	Này nghe <i>chăng</i> trong trời sâu mù mịt Tiếng muốn trùng rên ri giọng bi ai	Bóng tối	
7	Trong tiếng cười, trong câu ca, điệu hát Trong những đêm đây thịt, sang nư mợ Có hay <i>chăng</i> , người hỏi, với xương khô Với máu đỏ, tuý hồng, mờ sắc rêu?	Máu xương	
8	Chớ nói cười, hãy lắng nghe xem đã Có rơi <i>chăng</i> trong đáy của hồn đau?	Trăng diên	
9	Tội ác còn rung bao thớ thịt Tiếng gươm đưa thấu đến não cân ta Có phải <i>chăng</i> còn trào bao suốt huyết? Có phải <i>chăng</i> còn dội tiếng đầu sa?	Đầu rơi	
10	Thấy <i>chăng</i> em đàn cây đưa rú bóng Bên đời xa trơ trọi Tháp Chàm xưa Nghe <i>chăng</i> em thời gian giương cánh rộng Mơ màng bay theo tiếng gió êm đưa?	Chuỗi đêm cầu	
11	Con tàu này lên Tây Bắc, anh đi <i>chăng</i> ? Bạn bè đi xa, anh giữ trời Hà Nội Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi Ngoài cửa ô? Tàu dói những vầng trăng	Tiếng hát con tàu	Ánh sáng và phù sa (1955-1960)
12	Dân có đau <i>chăng</i> ? Nghìn năm nô lệ	Đi ra ngoại ô	
13	Đời dân nhọc nhằn Dân có đau <i>chăng</i> ?	Đi ra ngoại ô	
14	Có <i>chăng</i> anh trong ngục Ở bên đường tôi qua?	Ngoảnh lại 15 năm	
15	Có nhớ <i>chăng</i> hồi gió rét thành Ba Lê Một viên gạch hồng, Bác chống lại cả một mùa băng giá	Người đi tìm hình của nước	
16	Tàu Hi Lạp có nghe <i>chăng</i> tiếng thét trên các tầng than đôi song tù A-ten mở cửa?	Tàu đến	
17	Đôi gió mùa thu trời lạnh <i>chăng</i> em?	Trời đã lạnh rồi	Hoa ngày thường,
18	Mẹ tóc bạc có còn <i>chăng</i> , mẹ hỏi Mai có còn bên giếng hồ <i>chăng</i> mai?	Ở đâu, ở đâu, ở đất anh hùng	chim báo bão (1961-1967)
19	Tàu Mỹ rụng đất này, ai có nghe <i>chăng</i> ?	Sao chiến thắng	
20	Tổ quốc bao giờ đẹp thế này <i>chăng</i> ?	Tổ quốc bao giờ đẹp thế này <i>chăng</i>	
21	Có phải cha ông đến sớm <i>chăng</i> và con cháu thì lại muộn?		

TT	Câu thơ	Tên bài thơ	Tập thơ
22	Loa-thành này có đẹp mắt người <i>chẳng</i> ?		
23	Chọn thời mà sống <i>chẳng</i> ? Anh sẽ chọn năm nào nhi?		
24	Hỡi Đức Bà, Bà suốt một nghìn chín trăm sáu mươi sáu năm luôn được bế con Bà biết <i>chẳng</i> các bà mẹ Việt Nam hàng tháng héo hon Bởi phải ngủ xa con mình đi sơ tán?	Làm bà mẹ ở Việt Nam	
25	Ta có thể sống <i>chẳng</i> , nếu Chúa Trời là Quý vương và công lý?	Thời sự hè 72, bình luận	Những bài thơ đánh giặc (1970- 1972)
26	Pháo kéo vào một Điện Biên Phủ nào <i>chẳng</i> ? Không, ta kéo máy.	Tiếng hát át tiếng bom	Đổi thoại mới (1967- 1973)
27	Khi tất cả mọi người đọc anh đã bỏ ra đi Còn một độc giả yêu anh và ở lại Anh có gì cho người kiên nhẫn ấy? Cố còn <i>chẳng</i> một vì sao dành lại giữa đêm khuya?	Sổ tay thơ	
28	Đã mỏi rồi <i>chẳng</i> ? Những dáng Trường Sơn Núi chon von thì trời lại chon von	Cách mạng, chương đầu	Hoa trước lăng
29	Chút nghề xưa của Bác Liệu thử có quên <i>chẳng</i> ?	Ném thùng	Người (1954- 1976)
30	Năm mộ rìa làng, mẹ <i>đấy chẳng</i> ? Một đời xa mẹ mới về thăm	Mồ mẹ	Hoa trên đá (1977- 1984)
31	Có khóc <i>chẳng</i> anh? Nào ai nhớ nữa! Hay cười <i>chẳng</i> ? Thử hỏi lòng xem!	Kỷ niệm có gì	
32	Kìa, đã hết chiến tranh <i>chẳng</i> ? Em hé miệng cười	Cảm ơn	
33	Gió về từ nơi sơ tán của em <i>chẳng</i> ?	Gió đầu mùa	Ta gửi cho mình (1980- 1985)

5. Tiểu từ tình thái *chẳng* trong thơ Chế Lan Viên và lối thoát từ những hoài nghi rợn ngợp

Chế Lan Viên là thi sĩ tài danh, ông được mọi người thừa nhận là một nhà thơ có năng lực sáng tạo đặc biệt, độc đáo. Khi nghiên cứu thơ Chế Lan Viên, một số người tách riêng ba giai đoạn thơ của ông để tìm hiểu. Một số khác lại đề cao chỉ hai tập thơ *Điều tàn* và *Di cáo thơ*. Bằng việc phân tích TTTT *chẳng* trong thơ ông, chúng tôi muốn góp phần chứng minh rằng hành trình thơ của Chế Lan Viên là

một quá trình phát triển liên tục trên cơ sở biến đổi, vận động biện chứng và hoàn toàn hợp lý.

Bắt đầu từ *Điều tàn*, như nhiều nhà thơ khác, Chế Lan Viên không tránh khỏi những tư tưởng bi đát, hoài nghi nhưng đó là sự hoài nghi có tính triết học. Đó là điểm khởi đầu cho những nghi vấn xuất hiện. Và ông dần dần tìm ra định hướng nghệ thuật cũng như những niềm tin lớn lao cho bản thân giai đoạn sau này.

Qua khảo sát, tập *Điều tàn* có 10 lần xuất hiện TTTT *chẳng* (chiếm gần 30%

tần số xuất hiện của tiểu từ này trong 9 tập thơ được khảo sát), thể hiện qua bảng 2 sau:

Bảng 2. TTTT chằng trong thơ Chế Lan Viên qua các tập thơ

STT	Tập thơ	Số lần xuất hiện
1	Điều tàn (1937)	10
2	Gửi các anh (1950-1954)	0
3	Ánh sáng và phù sa (1955-1960)	6
4	Hoa ngày thường, chim báo bão (1961-1967)	8
5	Những bài thơ đánh giặc (1970-1972)	1
6	Đổi thoại mới (1967-1973)	2
7	Hoa trước lăng Người (1954-1976)	2
8	Hoa trên đá (1977-1984)	3
9	Ta gửi cho mình (1980-1985)	1

Điều này cho thấy, đây là thời điểm hồn thơ của nhà thơ tài hoa này còn mang nhiều hoài nghi. Càng về sau, những hoài nghi đó đã được thoát bỏ, các tập thơ sau, từ *Những bài thơ đánh giặc*, *Đổi thoại mới*, *Hoa trước lăng Người*, *Hoa trên đá*, *Ta gửi cho mình* - mỗi tập chỉ xuất hiện 1-2 lần TTTT chằng.

Trong *Điều tàn*, Chế Lan Viên bộc lộ nhiều hoài nghi mang màu sắc hư vô, siêu hình, được thể hiện khá rõ qua TTTT *có... chằng*. Trong mô hình này, tuy sử dụng cặp *có... chằng*, nhưng nghĩa thực là ông khẳng định sự tồn tại của cái mộng lung, chết chóc, của cõi âm: *xương khô, suối huyết, đầu sa, hôn đau, hòm u tối, thi thể của người ta...*, phù nhận thể giới thực mà ông đang tồn tại. Có lúc ông bất lực, sâu muộn và không khỏi nghi vấn về cuộc sống và thời đại.

- *Có tìm chằng, những chiều không tiếng gió;*

- *Có hay chằng, người hỡi, với xương khô;*

- *Có phải chằng còn trào bao suối huyết? / Có phải chằng còn dội tiếng đầu sa?*

- *Có rơi chằng trong dáy của hôn đau*
 - *Mà trong chiếc hòm con kia u tối/Có phải chằng thi thể của người ta?*

Một loạt cấu trúc nghi vấn *có... chằng* đó mang theo sắc thái nghi vấn *nhân mạnh*, vừa là chất vấn, vừa là tự vấn lại vừa sắc thái hoài nghi, thậm chí có phần hoang mang, dao động, mơ hồ.

Qua khảo sát các sắc độ sắc thái của TTTT chằng trong thơ Chế Lan Viên ta thấy, mức độ ngoài nghi cao tập trung ở tập *Điều tàn* và ngày càng giảm ở những tập thơ sau. Giai đoạn từ *Ánh sáng và Phù sa*, những hoang mang của Chế Lan Viên chuyển dần về trạng thái mộng lung mơ hồ và càng về sau chỉ còn mang sắc thái nghi vấn nhẹ nhàng, có khi còn là sự khẳng định mang hình thức nghi vấn (bảng 3).

Bảng 3. Sắc độ của TTTT chằng qua các tập thơ Chế Lan Viên

Sắc độ của TTTT chằng trong thơ Chế Lan Viên	Số lượng	Tập thơ xuất hiện
Sắc thái hoài nghi cao	12	<i>Điều tàn, Hoa ngày thường, chim báo bão</i>
Sắc thái hoang mang, mơ hồ	10	<i>Những bài thơ đánh giặc, Đổi thoại mới</i>
Sắc thái nghi vấn - khẳng định	11	<i>Hoa trước lăng Người, Hoa trên đá, Ta gửi cho mình</i>

Cụ thể, Chế Lan Viên đã từ những hoài nghi dữ dội của *Điều tàn*:

- *Có hay chằng, người hỡi, với xương khô;*

- *Có phải chằng còn trào bao suối huyết?*

- *Có phải chằng còn dội tiếng đầu sa?*

- Có rơi chẳng trong đáy của hồn đau

- Có phải chẳng thi thể của người ta? đến những mộng lung, mơ hồ như đã nắm bắt được gì đó, dù chưa rõ ràng nhưng không còn quặn quại rên xiết đau thương:

- Pháo kéo vào một Điện Biên Phủ nào chẳng? / Không, ta kéo máy.

- Chọn thời mà sống chẳng? Anh sẽ chọn năm nào nhỉ?

- Tàu Hi Lạp có nghe chẳng tiếng hét trên các tầng than đòi song tù A-ten mở cửa?

và cuối cùng là những sắc thái nghi vấn - hỏi, những sắc thái hỏi nhẹ nhàng như ước hỏi trong các tập thơ sau 1954:

- Gió về từ nơi sơ tán của em chẳng?

- Đã môi rồi chẳng? Những dáng Trường Sơn

- Kia, đã hết chiến tranh chẳng? Em hé miệng cười

Qua thời kỳ bối rối trong hoài nghi, trước khách thể đang ngày một thay đổi, trước một chủ thể đang tích cực nhận ra cái ý nghĩa của hiện sinh, lẽ đương nhiên Chế Lan Viên tự biết là cần phải trở về với trời xanh, chim ca, hoa nở và những niềm tin.

Trong các tập thơ từ *Những bài thơ đánh giặc*, Chế Lan Viên trở thành ca sĩ ngụy ca thời đại mới, nhìn đời bằng đôi mắt biếc xanh, bỡ ngỡ và không ngừng soi vào hiện tại để hiểu quá khứ và hi vọng vào tương lai. Không còn những hoài nghi triền miên không lối thoát, *Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?* là câu hỏi reo vui đến ngỡ ngàng.

Sự chuyển biến dứt khoát và quyết liệt của Chế Lan Viên đã đưa hành trình con tàu thơ ông đi từ sân ga vô hình của cõi âm rợn ngợp, đầy hoài nghi nhanh chóng về đích của sân ga cuộc đời chan hoà ánh sáng, niềm vui.

Chính sự xuất hiện của những TTTT

chăng với mức độ hoài nghi ngày càng giảm nhẹ đã giúp ta nhìn rõ Chế Lan Viên giai đoạn cuối đời: Vẫn là một con người duy lý sắc sảo, hoài nghi để tìm ra một định hướng triết mỹ cho thơ và cho đời. Sự hoài nghi nào cũng chứa đựng những nỗi đau - dù ít hay nhiều, nhưng Chế Lan Viên đã dần bớt mộng lung về bản thân, bớt tự vấn và tự thoại một cách mơ hồ.

5. Kết luận

TTTT chẳng trong thơ Chế Lan Viên xuất hiện trong 33 câu thơ, trong 30 bài thơ và trong 8/9 tập thơ được khảo sát.

TTTT chẳng trong thơ Chế Lan Viên có tần suất xuất hiện giảm dần: Tập thơ đầu tiên *Điều tàn* xuất hiện 10 lần. Các tập thơ sau này, từ *Những bài thơ đánh giặc* (1970 - 1972) đến *Ta gửi cho mình* (1980 - 1985) chỉ xuất hiện 1 - 2 lần trong một tập thơ.

Về sắc độ tình thái, TTTT chẳng trong giai đoạn *Điều tàn* được nhà thơ sử dụng với cấu trúc nhấn mạnh nghi vấn *có... chẳng* thể hiện sự hoài nghi, hoang mang cao độ. Càng về sau, TTTT chẳng được dùng trong cấu trúc ước hỏi - loại cấu trúc nghi vấn nhưng mang màu sắc khẳng định, tin tưởng.

Như vậy có thể thấy, TTTT chẳng trong thơ Chế Lan Viên chính là biểu hiện rõ nét nhất sự phát triển hồn thơ của một người đi "từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui", "từ chân trời của một người đến chân trời của tất cả".

Qua cách sử dụng TTTT chẳng, chúng ta có thể nhận ra con đường biến chuyển giá trị thi pháp của thơ Chế Lan Viên - Đó không còn chỉ ở những phủ định loại trừ, những hoài nghi đau đớn mà giá trị thi pháp của thơ ông càng về sau càng chuyển dần thành những khẳng định, reo vui, như chính tâm hồn ông, như chính thời đại ông vậy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bally Ch., *Syntaxe de la modalité explicite*, in Cahier Ferdinand de Saussure 3, Genève, Droz, 1943.
- [2] Hoàng Phê, *Lôgic - Ngôn ngữ học, Trung tâm từ điển học*, Hà Nội, 2003.
- [3] Hoàng Trọng Phiến, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1980.
- [4] Đỗ Thị Kim Liên, *Giáo trình ngữ dụng học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
- [5] Nguyễn Kim Thành, *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, tập II, NXB Khoa học, 1964.
- [6] Nguyễn Như Ý, *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.

TƯ LIỆU DÙNG KHẢO SÁT

- I. Nguyễn Công Hoan, *Truyện ngắn chọn lọc*, Tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1974.
- II. Tô Hoài, *Võ sĩ bộ ngựa*, NXB Hà Nội, 1986.
- III. Chế Lan Viên (2002), *Chế Lan Viên toàn tập*, Tập I, Vũ Thị Thường sưu tầm và biên soạn, NXB Văn học, Hà Nội (684 trang).
- IV. Chế Lan Viên (2002), *Chế Lan Viên toàn tập*, Tập II, Vũ Thị Thường sưu tầm và biên soạn, NXB Văn học, Hà Nội (737 trang).

SUMMARY

A WORRIED POETRY LIFE OF CHE LAN VIEN EXPRESSED THROUGH THE MODAL PARTICLE "CHẴNG"

This writing surveys and analyzes carefully the word "chẳng" in 9 collections of poems of Che Lan Vien to clarify the process of the continuous dialectical development of inestimable value of this talented poet. The word "chẳng" indicates the scepticism in speech. Because frequency and tone of this word are increasingly reduced, Che Lan Vien succeeded in drawing ship journey from the station of the world of death quickly to the final goal of the life in brilliant sunshine.